

HỢP TÁC SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG VỀ KH&CN - CON ĐƯỜNG HIỆU QUẢ NHẪM THIẾT LẬP VỊ THẾ QUỐC GIA MỚI

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia. Thực tế đã chứng minh rằng, trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, quốc gia nào có lợi thế so sánh về KH&CN thì quốc gia đó sẽ được hưởng nhiều lợi thế từ quá trình hội nhập. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần có những chính sách hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN nhằm tránh nguy cơ tụt hậu về KH&CN, góp phần nâng cao và thiết lập vị thế quốc gia mới.

Ngày nay, quan hệ quốc tế về KH&CN vừa mang tính hợp tác, vừa mang tính cạnh tranh. Cạnh tranh về KH&CN sẽ thúc đẩy việc xây dựng và phát triển năng lực nội sinh về KH&CN để tạo hiệu quả cho các hoạt động KH&CN, tức là phải tăng cường khả năng huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ cho nhu cầu phát triển KH&CN của đất nước, bao gồm khả năng tự nghiên cứu, giải quyết các vấn đề KH&CN của quốc gia, nhận biết, đánh giá được công nghệ của nước ngoài để tiếp thu, làm chủ, tiến tới sáng tạo ra công nghệ mới.

Thực tế trên thế giới đã chứng minh rằng, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, quốc gia nào có lợi thế so sánh về KH&CN thì quốc gia đó sẽ có nhiều lợi thế và được hưởng lợi nhiều từ hội nhập. Do đó, nếu xét trên phạm vi toàn cầu, KH&CN là một trong những nhân tố chủ yếu tạo ra và thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa, và trên bình diện quốc gia, trình độ phát triển KH&CN (hay năng lực công nghệ của quốc gia) là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, là chìa khóa để mở ra và khai thác những khả năng và tiềm năng to lớn để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hiện nay, KH&CN đã phát triển và đạt trình độ rất cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia. Vì vậy,

xu hướng hợp tác, liên kết ngày càng tăng giữa các tổ chức, các nhà khoa học thuộc nhiều nước để tiến hành các nghiên cứu chung nhằm huy động thêm được nhiều nguồn lực, rút ngắn được thời gian, giảm chi phí nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức quốc tế và khu vực coi việc đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và đào tạo về KH&CN như là một chính sách nhằm tăng cường và mở rộng vai trò, ảnh hưởng của mình, đồng thời nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển trong khu vực và trên thế giới. Ví dụ, Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) hàng năm dành một khoản ngân sách trên 70 triệu USD cho các dự án hợp tác kỹ thuật (TC) hỗ trợ các nước đang phát triển là thành viên của IAEA.

Các nước có nền kinh tế và KH&CN phát triển thực hiện chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN với các nước khác, nhất là với các nước có trình độ KH&CN thấp hơn dưới các hình thức lập các liên doanh, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ nhằm mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và tăng lợi nhuận. Ngoài ra, trong quá trình hình thành và phát triển mạng lưới toàn cầu để nâng cao khả năng cạnh tranh với các đối thủ, các tập đoàn đa quốc gia, các nhà đầu tư nước ngoài buộc phải đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN và thực hiện chuyển giao công nghệ cho đối tác ở nước sở tại.

Trong bối cảnh quốc tế đó, nếu Việt Nam không có những chính sách đúng đắn để vượt qua những



khó khăn về cơ sở hạ tầng, nhân lực và ngân sách một cách phù hợp thì nguy cơ tụt hậu về KH&CN sẽ ngày càng tăng, dẫn đến tụt hậu về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới sẽ là điều không tránh khỏi. Để tránh nguy cơ đó, một trong những con đường hiệu quả đối với nước ta hiện nay là mở rộng và tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trên nhiều lĩnh vực, trong đó hợp tác nghiên cứu KH&CN trong một số lĩnh vực ưu tiên trọng tâm giữ vai trò quan trọng, thông qua đó sẽ huy động thêm được nhiều nguồn lực, có thêm điều kiện thuận lợi để xây dựng tiềm lực KH&CN, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước.

Với Việt Nam, hội nhập quốc tế về KH&CN đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần thiết lập vị thế mới của quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Thông qua đó, Việt Nam tiếp thu được vốn, tri thức, công nghệ, góp phần quan trọng vào nguồn lực phát triển quốc gia, đồng thời thể hiện được năng lực cạnh tranh và hợp tác của mình trong công cuộc phát triển chung của khu vực và thế giới. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Chương trình phát triển đất nước thời kỳ quá độ và Nghị quyết Đại hội Đảng XI đã chỉ rõ phát triển KH&CN phải thực sự trở thành động lực then chốt của quá trình phát triển đất nước. Quan điểm phát triển KH&CN và hội nhập quốc tế về KH&CN đã được nêu rõ trong Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11.4.2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, theo đó khẳng định quan điểm “Hội nhập quốc tế về KH&CN là mục tiêu đồng thời là giải pháp quan trọng để góp phần đưa KH&CN Việt Nam sớm đạt trình độ quốc

tế. Hội nhập quốc tế về KH&CN phải được thực hiện tích cực, chủ động, sáng tạo, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi”.

Chiến lược cũng nêu rõ mục tiêu tổng quát phát triển KH&CN là phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; đưa KH&CN thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại để đến năm 2020, KH&CN Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới.

Bên cạnh đó, hoạt động KH&CN của Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã bám sát quan điểm chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng với định hướng và kế hoạch hợp tác quốc tế dài hạn về KH&CN. Đây chính là giải pháp rất quan trọng, hiệu quả để nhanh chóng nâng cao trình độ, năng lực KH&CN trong nước, tiếp cận với trình độ khu vực, quốc tế và rút ngắn khoảng cách tụt hậu, đồng thời tiếp thu, khai thác có hiệu quả các thành tựu KH&CN tiên tiến trên thế giới, đẩy mạnh năng lực sáng tạo trong nước để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia. Quan điểm này đã một lần nữa được nhấn mạnh tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Do vậy, yêu cầu đặt ra hiện nay là cần xác định phương thức hợp tác hiệu quả và phù hợp hơn với thực tế của giai đoạn mới, thông qua việc hợp tác nghiên cứu với các đối tác trọng điểm có công nghệ nguồn cần khai thác, giải mã và chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu với nước ngoài của các tổ chức KH&CN trong nước, thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước... Nghị quyết số 20-NQ/TW cũng đã xác định một số nhiệm vụ và giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN, trong đó có việc “Triển khai hợp tác KH&CN tầm quốc gia với các nước tiên tiến về KH&CN, là đối tác chiến lược của Việt Nam”, “Nghiên cứu hình thành một số trung tâm KH&CN hiện đại có liên kết với các tổ chức khoa học tiên



Hợp tác về KH&CN với CHDCND Lào

tiến nước ngoài”.

Nhằm tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 16.4.2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 538/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020 với một số mục tiêu:

- Tăng nhanh số lượng các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp của Việt Nam trực tiếp tham gia hoặc chủ trì các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài, hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới.

- Phấn đấu trên 50% các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu có cán bộ phía Việt Nam tham gia và báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc tế, tham gia các khóa đào tạo quốc tế, đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ trong lĩnh vực chuyên môn liên quan.

- Số lượng các công trình công bố quốc tế được tạo ra từ các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu tăng trung bình 15-20%/năm, sáng chế được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam và nước ngoài tăng trung bình 20%/năm; tăng nhanh số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng và quyền sở hữu sáng chế, trên cơ sở triển khai hợp tác nghiên cứu với các đối tác mạnh về KH&CN, phù hợp với các định hướng ưu tiên của Việt Nam.

Để thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, các cơ quan, ban, ngành liên quan cần xác định và thực hiện đồng bộ các giải pháp:

Một là, đẩy mạnh việc thực hiện thoả thuận quốc tế về hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, thông qua Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu tham gia: các hoạt động trao đổi học thuật được tổ chức bởi các đối tác uy

CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

tín, có nền KH&CN tiên tiến, các tổ chức, diễn đàn đa phương về KH&CN nhằm tăng cường mạng lưới hợp tác nghiên cứu; tham gia vào các hoạt động thường xuyên của tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực; ký kết được các thoả thuận hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm; thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu, tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế trong khu vực và trên thế giới...

Hai là, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, trong đó, tập trung rà soát hệ thống cơ chế, chính sách hiện hành, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế làm cơ sở đổi mới và hoàn thiện hành lang pháp lý cần thiết để hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác quốc tế của Chương trình; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp của Việt Nam tham gia vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực, cử các nhà khoa học Việt Nam tham gia vào các hoạt động học thuật tại nước ngoài...

Ba là, tăng cường nguồn lực thông tin hỗ trợ các hoạt động hợp tác nghiên cứu. Phối hợp với Chương trình tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN (thuộc Đề án hội nhập quốc tế về KH&CN đến năm 2020) nhằm hỗ trợ việc khai thác có hiệu quả các nguồn cung cấp thông tin phục vụ hợp tác nghiên cứu; nâng cao hiệu quả phối hợp, hỗ trợ của đại diện Việt Nam trong các tổ chức, diễn đàn KH&CN quốc tế và khu vực, mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài trong việc tìm kiếm cơ hội, đối tác hợp tác nghiên cứu.

Bốn là, tìm kiếm, khai thác nguồn lực từ các chương trình quốc tế của các quốc gia phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực, các tập đoàn đa quốc gia nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực KH&CN: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm đối tác, cơ hội để hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hợp tác nghiên cứu, làm chủ, cải tiến, sáng tạo công nghệ mới; hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp Việt Nam khai thác các nguồn lực từ các đối tác quốc tế thông qua hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực KH&CN, quản lý KH&CN, quản trị công nghệ, khai thác sáng chế và chuyển giao công nghệ